

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST.
Ngày 13/8/2024.
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương;
Ông Lê Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2024/TLST- DS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2024/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị L, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp Bến K, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (bà Lâm có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. Cùng địa chỉ: Ấp Cái G, xã Hiệp Mỹ Đ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (bà Lâm và ông Tường vắng mặt không lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ch, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp Hạnh M, xã Mỹ Long B, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (bà Chính có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Lâm Thị L trình bày: Vào ngày, 24/6/2022 bà có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền là 26.000.000 đồng. Đến ngày 23/9/2022, bà tiếp tục cho bà L vay số tiền 35.000.000 đồng, mục đích vay là nuôi tôm. Khi vay tiền bà L có viết biên nhận cho bà và hai bên thỏa thuận lãi suất là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/ tháng

nhưng từ khi vay tiền thì bà L không có đóng lãi cho bà, chỉ hứa trong thời hạn 01 tháng sẽ trả nhưng khi đến đòi thì lần tránh không thực hiện. Sau đó bà có gửi địa phương đề yêu cầu giải quyết thì bà L và ông T hứa sẽ trả cho bà nhưng không thực hiện. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền gốc là 61.000.000 đồng cho bà, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch trình bày:

Vào khoảng năm 2022, bà có cho bà Lâm Thị L mượn tiền hai lần với tổng số tiền là 61.000.000 đồng, để bà L cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T vay, bà L là người trực tiếp đưa tiền cho bà L nhận. Nay bà L yêu cầu ông T và bà L trả số tiền 61.000.000 đồng cho bà L thì bà thống nhất, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho đương sự nhận. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền gốc 61.000.000 đồng cho bà Lâm Thị L. Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ vào các Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà L và ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Phản kiến nghị:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông T theo quy định.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Lâm Thị Lài khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền gốc 61.000.000 đồng cho bà L. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

- Nguyên đơn bà Lâm Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền gốc là 61.000.000 đồng cho bà L. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn đã cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 24/6/2022 và ngày 23/9/2022 (bản chính) và biên bản hoà giải tại nhà văn hoá ấp Cái G, xã Hiệp Mỹ Đ đề ngày 13/3/2023 (bản chính).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch trình bày:

Vào khoảng năm 2022, bà có cho bà Lâm Thị L mượn tiền hai lần với tổng số tiền là 61.000.000 đồng, để bà L cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Tư vay, bà L là người trực tiếp đưa tiền cho bà L nhận. Nay bà L yêu cầu ông T và bà L trả số tiền 61.000.000 đồng cho bà L thì bà thống nhất, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Xét thấy căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 24/6/2022 và ngày 23/9/2022 do bà L cung cấp đã chứng minh được bà L có mượn bà Lài hai lần số tiền 61.000.000 đồng. Quá trình vay bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L nên bà L đã yêu cầu địa phương giải quyết. Tại biên bản hoà giải tại nhà văn hoá ấp Cái G, xã Hiệp Mỹ Đ đề ngày 13/3/2023 thể hiện bà L và ông T thống nhất trả số tiền 61.000.000 đồng cho bà L và phương án trả tiền cho bà L nhưng đến hẹn ông T và bà L không thực hiện mà bỏ địa phương đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ mới cho bà L biết địa chỉ mới là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương ông T và bà L sinh sống thể hiện, khi địa phương làm việc với ông T và bà L về việc bà L yêu cầu bà L trả số tiền 61.000.000 đồng thì ông T và bà L thừa nhận có nợ của bà L số tiền 61.000.000 đồng, mục đích vay là chăn nuôi tôm, nhưng do thua lỗ nên không có tiền trả cho bà L. Xét thấy căn cứ vào biên nhận nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà Nguyễn Thị L có vay tiền của bà Lâm Thị L hai lần số tiền 61.000.000 đồng, khi vay tiền thì bà L là người trực tiếp nhận tiền, ông T không có nhận tiền từ bà L, mục đích vay tiền của bà L là để chăn nuôi tôm là nhằm chăm lo cho đời sống, kinh tế trong gia đình, ông T có biết việc này nhưng không có ý kiến phản đối và tại phiên hòa giải ngày 13/3/2023 ở địa phương (nhà văn hoá ấp Cái Gi)

ông T cũng thống nhất số tiền bà L đã vay của bà Lâm Thị L và hẹn thời gian trả tiền cho bà L nhưng đến hẹn ông T và bà L vẫn không thực hiện. Từ khi vay đến nay, ông T và bà L không có trả gốc cho bà L nên bà Lâm khởi kiện yêu cầu bà L và ông T trả số tiền gốc 61.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lâm Thị L buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền gốc 61.000.000 đồng cho bà L. Bà Lâm Thị L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Ch không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Hội đồng xét xử buộc bà L và ông T phải chịu án phí theo quy định

Xét quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lâm Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà Lâm Thị L số tiền gốc là 61.000.000 đồng. Bà Lâm Thị L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Bà Lâm Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà